TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2021
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Liễu

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 385/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* *N đơn:* Chị Phan Thúy N, sinh năm 1978 *(có mặt)*;

HKTT: số 35/13 ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1977 *(vắng mặt)*;

Địa chỉ: số 71/5 đường H, khu phố 3, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Thúy N trình bày:* Tôi và anh T tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2005.

Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình chồng ở số 71/5 đường H, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

N nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc vợ con nên thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N làm đơn xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Hồng T1, sinh ngày 21/12/2004 và Trần Minh T2, sinh ngày 01/7/2009, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác định không có.

* Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Văn T vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thúy N khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Trần Văn T. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thúy N với anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2005, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

N nhân xin ly hôn chị N xác nhận là do mâu thuẩn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình; mặc dù chị N và anh T đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị N xét thấy mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Phía anh T không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị N và anh T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Hồng T1, sinh ngày 21/12/2004 và Trần Minh T2, sinh ngày 01/7/2009, hiện nay đang sống với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay thì cháu Hồng T1 và cháu Minh T2 được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu Hồng T1 và cháu Minh T2 có nguyện vọng muốn sống với mẹ là chị N khi cha mẹ ly hôn nhau. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Hồng T1 và cháu Minh T2 cho chị N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do anh Trần Văn T không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: N đơn chị Phan Thúy N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thúy N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Hồng T1, sinh ngày 21/12/2004 và Trần Minh T2, sinh ngày 01/7/2009 cho chị Phan Thúy N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Phan Thúy N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Phan Thúy N xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Phan Thúy N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004657 ngày 22/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

- *Lưu./.*

TRẦN THU IN